BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM

Số (N^0): 0353/VAQ06 - 04/18 - 00

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG KIỂU LOẠI

DÙNG CHO LINH KIỆN (HỆ THỐNG, ĐỘNG CƠ, KHUNG, CỤM CHI TIẾT, CHI TIẾT) CỦA XE MÔ TÔ, XE GẮN MÁY

TYPE APPROVAL CERTIFICATE FOR SYSTEMS/COMPONENTS

Cấp theo Thông tư số 45/2012/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải

Căn cứ Hồ sơ đăng ký số: *Pursuant to the Technical document N°*	0445/18/CH	Ngày: *Date*	02.08.2018
Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: *Regulation applied*	QCVN 36 : 2010/BGTVT		
Căn cứ Báo cáo kết quả đánh giá điều kiện đảm bảo chất lượng số: *Pursuant to the results of C.O.P examination report N°*	43015/17/01	Ngày: *Date*	06.11.2017
Căn cứ Báo cáo kết quả thử nghiệm số: *Pursuant to the results of Testing record N°*	1326/KQTN-PX/18	Ngày: *Date*	31.07.2018

CỤC TRƯỞNG CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM CHỨNG NHẬN

General Director of Vietnam Register hereby approves that

Kiểu loại sản phẩm: *(System/ Component type)*	**Lốp hơi xe mô tô, xe gắn máy**
Nhãn hiệu: *(Make)*	**DPLUS**
Số loại: *(Type)*	**90/90-14 46P 121 TL**
Ký hiệu thiết kế/ký hiệu sản phẩm: *(Design code/component code)*	**90/90-14 121 TL**
Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất: *(Name and address of manufacturer)*	**Công ty cổ phần cao su Đà Nẵng** Lô G, đường Tạ Quang Bửu, phường Hòa Hiệp Bắc, quận Liên Chiểu, Tp. Đà Nẵng
Tên, địa chỉ xưởng sản xuất, lắp ráp: *(Name and address of assembly plant)*	**Công ty cổ phần cao su Đà Nẵng** Lô G, đường Tạ Quang Bửu, phường Hòa Hiệp Bắc, quận Liên Chiểu, Tp. Đà Nẵng

Kiểu loại sản phẩm nói trên phù hợp với QCVN 36 : 2010/BGTVT
The product is in compliance with the QCVN 36 : 2010/BGTVT

Ghi chú:
- Hàng năm, Giấy chứng nhận này được xem xét đánh giá (Annually this Certificate will be evaluated).

Ngày 06 tháng 08 năm 2018 (Date)
CỤC TRƯỞNG CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM
Vietnam Register
General Director

CỘNG HOÀ X.H.C.N VIỆT NAM
CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM
BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

CỤC TRƯỞNG
Trần Kỳ Hình

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM

TRUNG TÂM THỬ NGHIỆM XE CƠ GIỚI

VIETNAM REGISTER

VIETNAM MOTOR VEHICLE TESTING CENTER

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
LỐP HƠI XE MÔ TÔ, XE GẮN MÁY

TEST REPORT PNEUMATIC TYRES OF MOTORCYLES AND MOPEDS

Số báo cáo: 1326 **/KQTN-PX/18**

Report No.

VILAS 972

Tên sản phẩm *Component name*	:	*Lốp hơi xe mô tô, xe gắn máy* *Pneumatic tyres of motorcycles and mopeds*
Ký hiệu thiết kế *Design Code*	:	*90/90-14 121 TL*
Cơ sở đăng ký thử nghiệm *Name of client*	:	*Công ty cổ phần cao su Đà Nẵng*
Địa chỉ *Address of client*	:	*Lô G, đường Tạ Quang Bửu, phường Hòa Hiệp Bắc, Q.Liên Chiểu, TP.Đà Nẵng, Việt Nam*

Tháng 07 năm 2018

Month year

NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý / *NOTE*

1. Báo cáo thử nghiệm không có chữ ký của Lãnh đạo và dấu của Trung tâm thử nghiệm sẽ không có giá trị.
   Test report without signature of the management and stamp of Vietnam Motor Vehicle Testing Center will be invalid.

2. Báo cáo thử nghiệm bị tẩy xóa, sửa chữa sẽ không có giá trị.
   Erased or modified test report will be invalid.

3. Nếu cơ sở đăng ký thử nghiệm có khiếu nại về kết quả trong báo cáo thử nghiệm thì trong thời gian quy định phải gửi văn bản khiếu nại tới cơ sở thử nghiệm.
   Any client's complaint on the test report should be sent to Vietnam Motor Vehicle Testing Center in writing form within the regulated period of time.

4. Kết quả trong báo cáo thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
   The results of the test report are valid for the sample only.

5. Cơ sở đăng ký thử nghiệm không được sửa đổi nội dung của báo cáo dưới mọi hình thức.
   The client may not modify the content of the report in any form.

6. Nguồn gốc, ký hiệu thiết kế, ký hiệu sản phẩm, số loại, nhãn hiệu sản phẩm ghi theo đăng ký của cơ sở đăng ký thử nghiệm.
   Origin, design code, component code, model code and mark/trademark are in accordance with registration of the client.

7. Trung tâm thử nghiệm xe cơ giới không chịu trách nhiệm về các tranh chấp nhãn hiệu hàng hóa, kiểu dáng công nghiệp đối với mẫu thử do cơ sở đăng ký thử nghiệm mang tới.
   Vietnam Motor Vehicle Testing Center is not liable for the dispute of mark/trademark and industrial design of the sample brought by the client.

TRUNG TÂM THỬ NGHIỆM XE CƠ GIỚI
VIETNAM MOTOR VEHICLE TESTING CENTER

Địa chỉ: 18 đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội
Adress *18 Pham Hung road, My Dinh 2 ward, Nam Tu Liem district, Ha Noi*
Điện thoại: +84 24 37684715 Máy lẻ 816
Telephone *Ext*
Fax: +84 24 37683599
E-mail: vmtc@vr.org.vn

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CỦA TRUNG TÂM THỬ NGHIỆM XE CƠ GIỚI

TEST REPORT OF VIETNAM MOTOR VEHICLE TESTING CENTER

Tên sản phẩm *Component name*	*Lốp hơi xe mô tô, xe gắn máy* *Pneumatic tyres of motorcycles and mopeds*	**Ký hiệu thiết kế** *Design Code*	*90/90-14 121 TL*
Cơ sở đăng ký thử nghiệm *Name of client*	*Công ty cổ phần cao su Đà Nẵng*	**Số loại** */ Model Code*	*90/90-14 46P 121 TL*
		Nhãn hiệu *Mark (Trade mark)*	*DPLUS*
Cơ sở sản xuất *Name of manufacturer*	*Công ty cổ phần cao su Đà Nẵng*	**Thời gian giao đủ hồ sơ, mẫu thử** *Date of full delivery of document & sample*	*31/07/2018*
		Số lượng mẫu *Number of samples*	*04*
Địa điểm giao nhận mẫu *Place of sample delivery*	*Trung tâm thử nghiệm xe cơ giới*	**Người giao** *Deliverer*	*Lê Duy Ngữ*
Quy chuẩn áp dụng *Applied Regulation*	*QCVN 36:2010/BGTVT*	**Người nhận** *Recipient*	*Lê Đình Nam*
Căn cứ để thử nghiệm *Basic for test*	*- Thông tư số 45/2012/TT-BGTVT ngày 23/10/2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải* *- Văn bản đề nghị thử số 428/DRC-KS ngày 01/06/2018 của Công ty cổ phần cao su Đà Nẵng*		

HẠNG MỤC THỬ NGHIỆM VÀ KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ TỔNG HỢP

TEST ITEMS AND GENERAL ASSESSMENT

STT *No*	Hạng mục thử nghiệm *Test items*	Kết quả thử nghiệm *Test result*
1	**Kiểm tra kích thước** */ Dimension check*	*Đạt yêu cầu* *Pass*
2	**Thử nghiệm đâm xuyên** */ Strength test*	*Đạt yêu cầu* *Pass*
3	**Thử nghiệm độ bền** */ Durability test*	*Đạt yêu cầu* *Pass*
4	**Thử nghiệm tính năng tốc độ / tải trọng** */ Load / speed performance test*	*Đạt yêu cầu* *Pass*
5	**Thử nghiệm sự biến dạng phồng của lốp do lực ly tâm** *Dynamic growth test*	*Đạt yêu cầu* *Pass*

Kết luận: *Lốp hơi mẫu nêu trên được thử nghiệm và thỏa mãn quy chuẩn QCVN 36:2010/BGTVT*

Conclusion The above pneumatic tyre samples were tested and satisfied regulation QCVN 36:2010/BGTVT

Hà nội, ngày 31 tháng 07 năm 2018 *Date*

GIÁM ĐỐC */ DIRECTOR*

Chịu trách nhiệm về kết quả thử nghiệm */ Surveyor*	Chịu trách nhiệm về soát xét (KT. Trưởng Ban) *Checker (On behalf of Head)*
Lê Đình Nam	Phạm Văn Việt
ĐKV hạng III	ĐKV hạng III

Phạm Minh Thành

VILAS 972

ẢNH CHỤP MẪU THỬ NGHIỆM

PHOTOGRAPH(S) OF TEST SAMPLE

THÔNG SỐ KỸ THUẬT CHỦ YẾU CỦA LỐP HƠI DO CƠ SỞ ĐĂNG KÝ THỬ NGHIỆM ĐĂNG KÝ

PNEUMATIC TYRE TECHNICAL SPECIFICATION REGISTERED BY CLIENT

STT *No*	Thông số kỹ thuật *Technical specification*	Chỉ tiêu kỹ thuật *Value*
1	**Ký hiệu kích cỡ lốp** / *Tyre-size designation*	*90/90-14*
2	**Cấu trúc lốp** / *Structure*	*Lớp mành chéo*
3	**Vành sử dụng để lắp lốp** / *Tyre fitting nm*	*2.15X14, 14X1.85*
4	**Chỉ số khả năng chịu tải** / *Load-capacity index*	*46 (tải trọng tương ứng lớn nhất 170 kg)*
5	**Cấp tốc độ** / *Speed category symbol*	*P (tốc độ tương ứng 150 km/h)*
6	**Loại lốp có/không sử dụng săm** / *Tube type/Tubeless*	*Lốp không sử dụng săm*
7	**Loại sử dụng** / *Category of use*	*Thông thường*
8	**Áp suất hơi tương ứng với tải lớn nhất (kPa)** *Inflation pressure*	*230*
9	**Loại lốp** / *Reinforced/Standard*	*Tiêu chuẩn*

ẢNH CHỤP CÁC KÝ HIỆU TRÊN MẪU THỬ

PHOTOGRAPHS OF SYMBOLS ON TEST TYRES

Hình 1: Nhãn hiệu

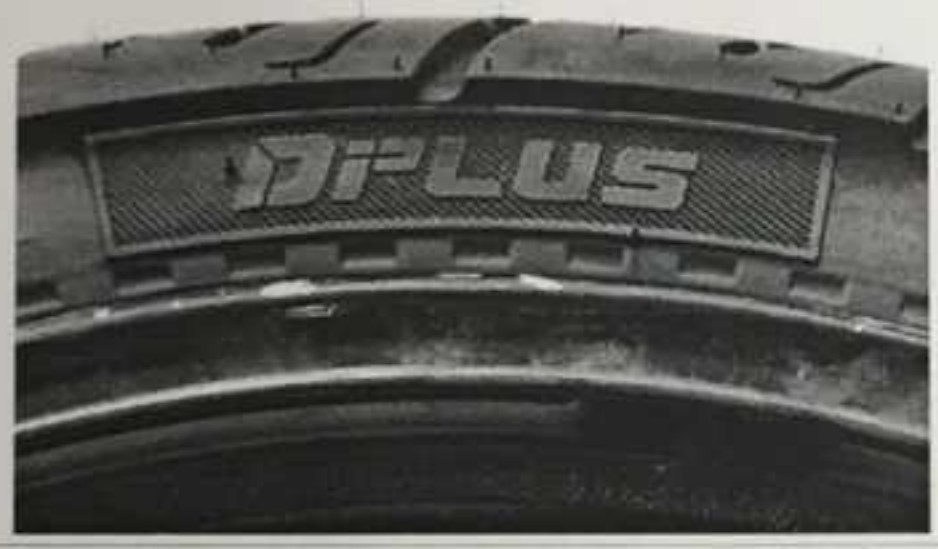

Hình 2: Ký hiệu kích cỡ lốp

Hình 3: Chỉ số khả năng chịu tải và cấp tốc độ

Hình 4: Mẫu vân lốp

Hình 5: Lốp là loại có/không sử dụng săm

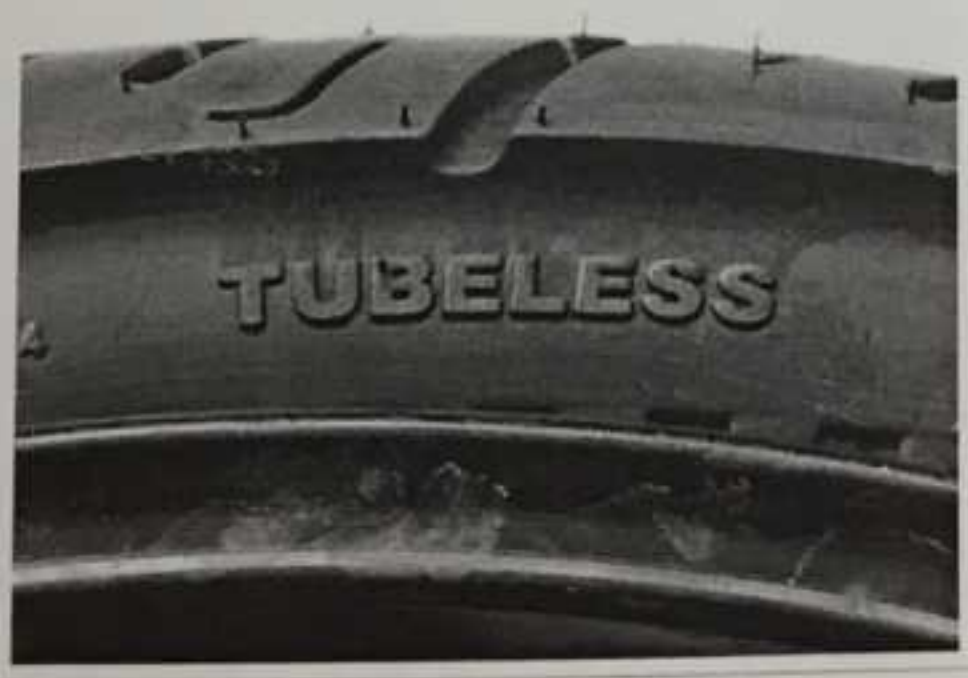

Hình 6: Loại vành thử